



Thời gian : 08/09/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H1	H2	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				10%	0%	0%	15%	15%	0%	0%	60%			
1	1829210865	Đặng Trần Chi	X18TOP_QTH5_D2	10			9	7.5			8	8.3	Tám Phẩy Ba	
2	1829210733	Phạm Văn Đại	X18TOP_QTH5_D2	8			8.5	5.8			7.8	7.6	BảyPhẩy Sáu	
3	1829210876	Lê Minh Đạt	X18TOP_QTH5_D2	0			5.5	3			v	0.0	Không	
4	1828210872	Nguyễn Thị Huyền Diễm	X18TOP_QTH5_D2	8			9	6.5			8.3	8.1	Tám Phẩy Một	
5	1829210738	Nguyễn Tiến Dũng	X18TOP_QTH5_D2	8			9	9			8.5	8.6	Tám Phẩy Sáu	
6	1829210867	Đỗ Tư Duy	X18TOP_QTH5_D2	6			9	0			8.3	6.9	Sáu Phẩy Chín	
7	1828210873	Lê Quỳnh Hoa	X18TOP_QTH5_D2	4			5.3	9			7.8	7.2	Bảy Phẩy Hai	
8	1829210753	Hà Văn Hương	X18TOP_QTH5_D2	8			7.7	8.8			7.8	8.0	Tám	
9	1829210757	Đình Quốc Huy	X18TOP_QTH5_D2	8			9.5	8.8			8.3	8.5	Tám Phẩy Năm	
10	1829210762	Phạm Bá Mạnh	X18TOP_QTH5_D2	8			7.8	8.2			8.3	8.2	Tám Phẩy Hai	
11	1829210866	Phan Quang Nghĩa	X18TOP_QTH5_D2	2			8	0			9	6.8	Sáu Phẩy Tám	
12	1829210868	Lê Văn Nhậm	X18TOP_QTH5_D2	8			9.7	3.5			8.3	7.8	Bảy Phẩy Tám	
13	1829210774	Trần Văn Quân	X18TOP_QTH5_D2	8			8.8	8			7.8	8.0	Tám	
14	1829210870	Cao Đức Thanh	X18TOP_QTH5_D2	8			9.3	8.7			9.5	9.2	Chín Phẩy Hai	
15	1829210869	Phạm Đình Thông	X18TOP_QTH5_D2	4			5	5			9.5	7.6	BảyPhẩy Sáu	
16	1828210871	Lương Thị Thu Trang	X18TOP_QTH5_D2	2			6	6.5			4.8	5.0	Năm	
17	1829210790	Hà Huy Tuấn	X18TOP_QTH5_D2	6			8.5	6.8			6.8	7.0	Bảy	
18	1829210791	Phạm Kiên Tuấn	X18TOP_QTH5_D2	2			4.2	4.5			9.3	7.1	Bảy Phẩy Một	
19	1829210792	Trần Đình Tuệ	X18TOP_QTH5_D2	4			8	6.5			v	0.0	Không	
20	1829210726	Nguyễn Hồng An	X18TOP_QTH5_D2	6			9.2	9			8.3	8.3	Tám Phẩy Ba	
21	1828210860	Lường Thị Dung	X18TOP_QTH5_D2	6			7.3	9.5			8.5	8.2	Tám Phẩy Hai	
22	1828210856	Nguyễn Thị Hạnh	X18TOP_QTH5_D2	10			8.5	9.5			8	8.5	Tám Phẩy Năm	
23	1829210861	Phạm Trọng Hùng	X18TOP_QTH5_D2	8			6.7	7.2			8.5	8.0	Tám	
24	1829210862	Nguyễn Văn Hưng	X18TOP_QTH5_D2	9			9	9			9.5	9.3	Chín Phẩy Ba	
25	1829210855	Lê Đức Lợi	X18TOP_QTH5_D2	6			4.3	9			9.3	8.2	Tám Phẩy Hai	
26	1829210857	Trần Ngọc Phúc	X18TOP_QTH5_D2	8			8.5	8.5			8.5	8.5	Tám Phẩy Năm	
27	1829210863	Dương Văn Sơn	X18TOP_QTH5_D2	8			9	8.5			7.8	8.1	Tám Phẩy Một	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	25	93%	
2	Số sinh viên nợ	2	7%	
TỔNG CỘNG :		27	100%	

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2013

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

TRUNG TÂM eUNIVERSITY

TL. HIỆU TRƯỞNG
PP. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Phạm Ngọc Tĩnh

Phan Chí

ThS. Lê Văn Chung

ThS. Nguyễn Ân